

V/v: "Ly hôn"

kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc, việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu. Sau kết hôn vợ chồng ông bà sống hạnh phúc đến ngày 20/11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân do ông H nghiện ma túy, không chịu làm ăn chăm lo hạnh phúc gia đình. Bà D và ông H đã sống ly thân từ ngày 20/11/2020 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên bà D đề nghị Tòa án huyện M giải quyết cho bà được ly hôn với ông Chu Văn H.

Về con chung: Bà D và ông H có 03 con chung là Chu Văn M - sinh 11/02/2001, Chu Văn D1 - sinh 02/4/2005, Chu Thúy V - sinh 23/02/2006. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Bị đơn*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đối với ông Chu Văn H nhưng ông H không chấp hành nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của ông H.

- Tại biên bản xác minh tại công an xã M, huyện M: Ông H đang thuộc đối tượng nghi có sử dụng chất ma túy. Trong quá trình trao đổi công việc, phối hợp với Tòa án trong việc triệu tập bị đơn là ông H, ông H không hợp tác.

- Tại biên bản xác minh tại UBND xã M, huyện M đại diện chính quyền địa phương cho biết: Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà D, ông H không hạnh phúc. Hai vợ chồng bà D, ông H xảy ra mâu thuẫn với nhau từ năm 2019 hiện đang sống ly thân, các con đang ở với ông H tại bản Tó Khò, xã M.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147;

Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Hừ D và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Hừ D được ly hôn với ông Chu Văn H; Về con chung: Các con chung của bà D và ông H đều đã trưởng thành và có khả năng lao động, bà D không đề nghị giải quyết nên không xem xét; Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà L Hừ D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Tè giải quyết cho bà được ly hôn với ông Chu Văn H. Ông Chu Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: bản T, xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu. Vì vậy Tòa án xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Tè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn ông Chu Văn H không nhận, không hợp tác với Tòa án trong việc giải quyết vụ án. Ngày 24/4/2025 và ngày 22/5/2025 tòa án đã tiến hành mở phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông H tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Hừ D và ông Chu Văn H kết hôn với nhau ngày 10/10/2019, kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống của bà D và ông H chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H sử dụng ma túy, không chịu làm ăn chăm lo hạnh phúc gia đình. Khoảng

thời gian mâu thuẫn giữa bà D và ông H kéo dài và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà D, ông H không hạnh phúc.

Đại diện chính quyền địa phương cho biết: Hai vợ chồng bà D, ông H xảy ra mâu thuẫn với nhau từ năm 2019 hiện đang sống ly thân.

Xét thấy hôn nhân giữa bà D và ông H đã không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của bà D đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Quá trình kết hôn bà D và ông H có 03 con chung là Chu Văn M - sinh 11/02/2001, Chu Văn D1 - sinh 02/4/2005, Chu Thúy V - sinh 23/02/2006. Hiện các con chung đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và có khả năng lao động, bà D không đề nghị tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Bà Lý Hừ D phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Hừ D được ly hôn với ông Chu Văn H.

2. Về con chung: Hiện các con chung đều đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và có khả năng lao động, bà D không đề nghị tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Lý Hừ D phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số: 0000708 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Mường Tè;
- THADS huyện Mường Tè;
- UBND xã Mù Cỏ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đới Xuân Huy